

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2021

“V/v ly hôn giữa ông T và bà T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thắm – Bà Phan Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Chu Viết T – 1950. Trú tại: xóm 3, xã Diễn Đồng, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An – có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1956. Trú tại: SN 26 đường Đàm Văn Lễ, khối 17, phường Trường T, TP Vinh, tỉnh Nghệ An – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 12 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T kết hôn với nhau vào năm 1983 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 1992 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng ông vì thương con nên bỏ qua. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không phù hợp tính tình. Trong cuộc sống ông cảm ơn bà T đã chăm sóc ông và mẹ đẻ của ông nhưng bà T lại thường nói xúc phạm gia đình ông, bà T hay ghen tuông nên ông không chấp nhận được. Đã 8 năm nay bà T không về cúng giỗ tại quê mặc dù ông là tộc trưởng. Do bất đồng trong cuộc sống nên ông đã bỏ về quê ở Diễn Châu sống ly thân với bà T từ tháng 01/2021 cho đến nay. Hiện tại ông không còn tình cảm với bà T, vợ chồng sống ly thân đã lâu và không muốn sống cùng với bà T dưới một mái nhà nên đề nghị Tòa án giải

quyết cho ông được ly hôn bà T để ổn định cuộc sống. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Chu Hà Lê – sinh năm 1984 và Chu Hà Phương – sinh năm 1988. Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Vợ chồng không có nợ chung

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T đã nghe rõ lời trình bày của ông T, Bà T thừa nhận bà và ông T kết hôn với nhau vào năm 1983 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, TP Vinh, sau khi kết hôn vợ chồng sinh được 02 con gái. Trong cuộc sống những năm đầu ông T đi xa công tác ở Huế rồi về Nam Đàn một mình bà là người trực tiếp chăm sóc gia đình nuôi dưỡng con cái, chăm sóc mẹ chồng, cuộc sống vô cùng khó khăn nhưng vợ chồng hạnh phúc con cái ngoan ngoãn. Sau này cuộc sống tuy có mâu thuẫn nhưng đó là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, bản thân bà là một người phụ nữ hết lòng vì chồng con và gia đình. Năm 2020 ông Thuần bỏ về quê sống thì lúc đầu có đi đi về về nhưng từ năm 2021 cho đến nay thì ông T ở hẳn Diễn Châu không về Vinh nữa. Bản thân bà nghĩ mâu thuẫn trong cuộc sống chưa đến mức trầm trọng, gia đình gia giáo, tuổi ông bà đã cao nên ông T làm đơn ly hôn bà không đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Chu Hà Lê – sinh năm 1984 và Chu Hà Phương – sinh năm 1988. Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ông Chu Viết T. Cho ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành, về tài sản và nợ không yêu cầu nên miễn xét.

3. Về án phí: Buộc Ông Chu Viết T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Chu Viết T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị T nên đây là tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị T cư trú tại phường Trường Thi,

thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Chu Viết T kết hôn với bà Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 1983. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa ông T và bà T thấy rằng: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian dài đến đầu năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2020 cho đến nay và ông T bỏ về quê ở Diễn Châu sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có niềm tin và sự tôn trọng nhau, bản thân ông T không còn tình cảm với bà T và không muốn quay lại chung sống cùng bà T dưới một mái nhà. Bà Nguyễn Thị T không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì tuổi đã cao và cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân và ông T không còn tình cảm với bà T, cả bà T và ông T đã không còn quan tâm gì đến nhau điều đó chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa ông T và bà T trên thực tế không còn tồn tại một thời gian dài, ông T và bà T không tìm thấy hạnh phúc trong việc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T không đồng ý quay về sống với bà T mà yêu cầu giải quyết cho ly hôn, xét yêu cầu của ông T là chính đáng nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông T được ly hôn bà T.

[2] Về nuôi con chung: Ông Chu Viết T và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là Chu Hà Lê – sinh năm 1984 và Chu Hà Phương – sinh năm 1988. Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Ông Chu Viết T và bà Nguyễn Thị T đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Chu Viết T. Cho ông Chu Viết T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Ông Chu Viết T và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là Chu Hà Lê – sinh năm 1984 và Chu Hà Phương – sinh năm 1988. Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không giải quyết.

3. Về tài sản: Ông Chu Viết T và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Chu Viết T là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSTP Vinh;
- Chi cục THADS TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND p. Trường Thi, TP Vinh;
- (GCNKH năm 1983)
- Lưu HS VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

